

Số: /2025/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 05 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định bồi thường thiệt hại, hỗ trợ di dời đối với cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng số 43/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NQĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 702/TTr-SNNMT ngày 06 tháng 10 năm 2025 và Công văn số 6525/SNN&MT-KHTC ngày 03/11/2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định bồi thường thiệt hại, hỗ trợ di dời đối với cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định một số nội dung về bồi thường thiệt hại và hỗ trợ di dời đối với cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ theo quy định tại Điều 103, điểm c khoản 1 Điều 108 Luật Đất đai số 31/2024/QH15, khoản 1 Điều 21 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và khoản 2 Điều 2 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ tái định cư.
2. Người sử dụng đất quy định tại Điều 4 Luật Đất đai số 31/2024/QH15.
3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Điều 3. Bồi thường thiệt hại đối với cây trồng, vật nuôi

1. Bồi thường cây trồng

a) Đối với cây trồng hàng năm, mức bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai số 31/2024/QH15.

b) Đối với cây trồng lâu năm, mức bồi thường theo quy định tại khoản 2 Điều 103 Luật Đất đai số 31/2024/QH15; trường hợp cây trồng lâu năm là loại cho thu hoạch nhiều lần chưa có cơ sở để xác định được chu kỳ thu hoạch của cây thì mức bồi thường được tính bằng giá trị thiệt hại thực tế của vườn cây theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ.

c) Đơn giá bồi thường cây trồng do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, được điều chỉnh bảo đảm phù hợp với giá thị trường khi có biến động và giá bình quân nông sản do Sở Tài chính công bố để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất.

d) Đối với đơn giá bồi thường các loại cây trồng không có trong bảng đơn giá được công bố thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ tái định cư áp dụng theo các loại cây trồng tương tự hoặc khảo sát thực tế tại địa phương để xây dựng đơn giá bồi thường đảm bảo theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 103 Luật Đất đai số 31/2024/QH15, khoản 2 Điều 2 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

2. Bồi thường vật nuôi

a) Đối với vật nuôi là thủy sản mà không thể di chuyển thì được bồi thường thiệt hại thực tế do phải thu hoạch sớm. Mức bồi thường thiệt hại do tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ tái định cư xác định nhưng không quá 70% giá trị sản lượng của 01 vụ thu hoạch được tính theo năng suất của vụ cao nhất trong 3 năm liền kề và đơn giá bồi thường, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

b) Đối với vật nuôi khác (bao gồm gia súc, gia cầm và động vật khác trong chăn nuôi quy định tại khoản 5, 6, 7 và 8 Điều 2 Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14) mà không thể di chuyển được thì được bồi thường thiệt hại thực tế do phải thu hoạch sớm. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ tái định cư khảo sát giá trị của vật nuôi đó tại thời điểm thu hồi đất xây dựng đơn giá bồi thường, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

3. Cây con tự mọc không đủ tiêu chuẩn cây giống; cây trồng ngắn ngày, vật

nuôi đã đến kỳ thu hoạch hoặc xuất bán tại thời điểm thu hồi đất thì không được bồi thường thiệt hại.

Điều 4. Hỗ trợ di dời cây trồng, vật nuôi

1. Đối với cây trồng, vật nuôi chưa thu hoạch nhưng có thể di chuyển đến địa điểm khác thì được hỗ trợ chi phí di dời.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đơn giá hỗ trợ di dời một số loại cây trồng trên địa bàn tỉnh; đối với đơn giá di dời các loại cây trồng không có trong bảng đơn giá thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ tái định cư khảo sát thực tế tại thời điểm kiểm kê, trên cơ sở thống nhất với chủ sở hữu phương án di dời, giá cước vận chuyển, xếp loại đường tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và các chi phí khác, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

3. Chi phí di dời vật nuôi do tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ tái định cư xây dựng, khảo sát thực tế tại thời điểm kiểm kê, trên cơ sở thống nhất với chủ sở hữu phương án di dời, giá cước vận chuyển, xếp loại đường tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và các chi phí khác, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định. Mức hỗ trợ di dời vật nuôi do tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ tái định cư xác định nhưng không quá 50% tổng chi phí di dời và không quá 70% giá trị bồi thường cây trồng, vật nuôi đó.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

a) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Quyết định này.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường xây dựng đơn giá các loại cây trồng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định; khi các loại cây trồng có biến động về giá thì kịp thời trình Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh đơn giá cho phù hợp.

2. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan ban hành thông báo giá các loại nông sản hàng năm để Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ tái định cư có căn cứ tính bồi thường, hỗ trợ cây trồng, vật nuôi là thủy sản trên địa bàn.

3. Thống kê tỉnh: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và dữ liệu kết quả các cuộc điều tra hiện có của đơn vị, công bố năng suất, sản lượng bình quân các loại cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh để làm căn cứ xác định, thẩm định giá trị bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường:

a) Tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất trên địa bàn đúng theo Quy định này.

b) Triển khai tuyên truyền, vận động tổ chức, cá nhân về chính sách bồi thường, hỗ trợ di dời cây trồng, vật nuôi và thực hiện giải phóng mặt bằng theo đúng các quy định của pháp luật.

c) Giải quyết khiếu nại, tố cáo của hộ gia đình, cá nhân, tổ chức.

5. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ tái định cư:

Kiểm kê, tính toán giá trị thiệt hại của cây trồng, vật nuôi và lập phương án bồi thường cây trồng, vật nuôi trình cấp thẩm quyền phê duyệt phù hợp với thực tế tại thời điểm thu hồi đất; chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lý của số liệu trong việc kiểm kê, phân loại và xác định mức giá bồi thường cụ thể tại thời điểm kiểm kê cây trồng, vật nuôi trên địa bàn.

6. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, phát sinh, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã được phê duyệt.

2. Trường hợp trước ngày Quyết định này có hiệu lực mà dự án đã thực hiện một trong các bước sau: ban hành Thông báo thu hồi đất hoặc đã lập biên bản kiểm kê có đầy đủ chữ ký hoặc đã trình hồ sơ phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thẩm định thì dự án được tiếp tục lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định của tỉnh trước sáp nhập (Phú Thọ, Hòa Bình, Vĩnh Phúc) tương ứng với địa bàn thực hiện dự án đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2027, trừ trường hợp áp dụng Quyết định này mang lại quyền lợi cao hơn cho người bị thu hồi đất. Không áp dụng đồng thời hai cơ chế trong cùng một tiểu dự án hoặc đợt chi trả.

3. Trường hợp chưa phát sinh các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì áp dụng Quyết định này.

4. Khi có chênh lệch đơn giá, định mức giữa quy định cũ và Quyết định này, cơ quan lập phương án đề xuất theo phương án đảm bảo quyền lợi cho người bị thu hồi đất, đồng thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 11 năm 2025.

2. Các quy định sau đây hết hiệu lực thi hành từ ngày 28 tháng 02 năm 2027:

a) Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại, hỗ trợ di dời đối với cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

b) Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 12/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành Bộ đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

c) Điều 7, Khoản 1 Điều 15 Quyết định số ngày 15/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc Quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN và các tổ chức chính trị xã hội tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Thuế tỉnh Phú Thọ;
- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, các PCVP UBND tỉnh, CV: NCTH, Trung tâm Thông tin và Công báo;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, NN3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Trọng Tấn